TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 63/2019/QĐST/HNGĐ	*Mê Linh, ngày 11 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2019/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Ngô Anh T, sinh năm 1990;

Bị đơn: Chị Ngô Thị Phương Th, sinh năm 1990;

Đều có nơi ĐKNKTT và cư trú: Tổ 7, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 39/2011 ngày 25/3/2011, tại UBND Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 2 tháng 4 năm 2019 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 2/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Ngô Anh T và chị Ngô Thị Phương Th.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung**: anh T và chị Th có 02 con chung là Ngô Thị Phương A, sinh ngày 17/1/2012 và Ngô Phương Á, sinh ngày 3/8/2015. Hiện nay 2 con đang ở với mẹ.

Giao cả 2 con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2020 cho đến khi cháu Á trưởng thành.

Anh T có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức**: không có.

- **Về công nợ:** Anh T nợ chị Th 30.000.000 đồng. Vào ngày 10 hàng tháng, kể từ tháng 5/2019 mỗi tháng anh T phải trả cho chị Th 3.000.000 đồng cho đến khi trả nợ xong vào ngày 10/2/2020.

Trong trường hợp anh T chậm trả thì anh T phải chịu lãi xuất quá hạn do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- **Về án phí:** Anh Ngô Anh T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*); tiền án phí dân sự 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng). Anh T đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0016897 ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh, nay còn phải nộp tiếp 750.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND Mê Linh.*
- *Chi cục THADS Mê Linh.*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thúy